

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Phần chương trình dạy học)

(Ban hành kèm theo quyết định số 250A/QĐ - ĐHGTVT ngày 07 tháng 4 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh)

**Tên chương trình:** Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng  
**Ngành đào tạo:** Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng  
**Mã ngành:** 7510605  
**Trình độ đào tạo:** Đại học  
**Thời gian đào tạo:** 4 năm

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo nguồn nhân lực có tính cạnh tranh cao trên thị trường lao động nhằm đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng được xây dựng và triển khai nhằm mục tiêu đào tạo cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có phẩm chất chính trị vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng, đáp ứng các yêu cầu về nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực chuyên ngành.

- Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về lĩnh vực Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng, kiến thức chuyên sâu ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng, khả năng xây dựng mô hình và áp dụng các nguyên tắc của chuyên ngành vào thực tiễn. Có khả năng tham mưu tư vấn và có khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một cử nhân trong lĩnh vực Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 1.2.1. Kiến thức

Chương trình đào tạo đại học ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng – Chuyên ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng trình độ đại học có mục tiêu đào tạo ra những cử nhân cho các lĩnh vực liên quan đến Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của người học; tạo môi trường giảng dạy, học tập, nghiên cứu tích cực; phù hợp với nhu cầu của xã hội và đáp ứng tiêu chuẩn nhân lực quốc tế.

Trang bị cho người học những kiến thức nền tảng cơ bản để phát triển toàn diện; có khả năng áp dụng những nguyên lý kinh tế và quản trị cơ bản, kỹ năng thực hành cao và các kỹ năng chuyên môn để tham gia quản lý, điều hành, thực hành nghiệp vụ chuyên môn và xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển doanh nghiệp theo từng thời kỳ.

##### 1.2.2. Kỹ năng

Trang bị cho người học tư duy sáng tạo và khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có thể thích ứng với sự thay đổi và phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành nói chung và chuyên ngành nói riêng;

### 1.2.3. Thái độ

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, tư cách và sức khoẻ tốt, nắm vững và thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đúng với định hướng của Đảng, Chính phủ trong chiến lược phát triển ngành và phù hợp với Quy hoạch đào tạo Nguồn nhân lực ngành Giao thông vận tải; từng bước hội nhập với giáo dục đại học khu vực và quốc tế..

Có tính thần học tập, không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp;

Có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng.

### 1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Có thể công tác tại các doanh nghiệp làm dịch vụ logistics, doanh nghiệp làm dịch vụ vận tải đa phương thức nói riêng và các doanh nghiệp dịch vụ vận tải, giao nhận nói chung.

Các phòng ban nghiệp vụ phù hợp chuyên môn gồm: kế hoạch, khai thác, marketing, dịch vụ khách hàng, kinh doanh quốc tế, kho vận, cung ứng vật tư, kế toán, phân phối...

Có thể đảm nhiệm chức danh quản lý các cấp tại các doanh nghiệp và tổ chức liên quan đến logistics và vận tải.

Có khả năng giảng dạy các môn học chuyên môn ở các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề có mở chuyên ngành liên quan.

Có thể tham gia vào thị trường lao động quốc tế trong lĩnh vực liên quan đến chuyên môn.

Tiếp tục học tập nâng cao trình độ các bậc học sau đại học ở các lĩnh vực tổ chức và Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng cũng như lĩnh vực quản trị kinh doanh trong nước và quốc tế.

## 2. Chuẩn đầu ra của chương trình

2. Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
a	<b>Kiến thức</b>	
PLO1	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, pháp luật đại cương vào hoạt động học tập, đời sống và phù hợp với chuyên ngành đào tạo	4
PLO2	Áp dụng toán học ứng dụng trong quản lý kinh tế như xác suất và thống kê, phương pháp toán trong quản lý kinh tế,... để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.	4
PLO3	Vận dụng kiến thức nền tảng của các học phần thuộc cơ sở khối ngành và cơ sở ngành để phân tích các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động dịch vụ logistics phục vụ cho công tác dự báo, lập kế hoạch, ra quyết định liên quan đến vận tải đa phương thức, logistics và chuỗi cung ứng	4
PLO4	Vận dụng kiến thức về quản trị như quản trị chất lượng, quản trị phân phối, quản trị rủi ro, quản trị sản xuất, quản trị dự án chuỗi cung ứng và quản trị mua hàng để thực hiện và kiểm soát các hoạt động của chuỗi cung ứng hiệu quả.	4

<b>2. Ký hiệu</b>	<b>Chủ đề chuẩn đầu ra</b>	<b>TĐNL</b>
PLO5	Vận dụng các chế độ pháp lý, các quy định và cơ sở pháp lý về hợp đồng, khiếu nại, bảo hiểm liên quan đến hoạt động dịch vụ để giải quyết các vấn đề phát sinh trong doanh nghiệp	4
PLO6	Vận dụng kiến thức về các chỉ tiêu kinh doanh của doanh nghiệp để phân tích các chi phí hoạt động và tài chính trong chuỗi cung ứng	4
PLO7	Áp dụng các kiến thức học phần chuyên sâu để vận hành các hoạt động cụ thể của chuỗi cung ứng.	4
<b>b</b>	<b>Kỹ năng</b>	
PLO8	Thực hiện thành thạo nghiệp vụ logistics, nghiệp vụ thanh toán quốc tế (giao nhận vận tải:, khai báo hải quan, tham gia soạn thảo hợp đồng, nghiệp vụ kho hàng...)	4
PLO9	Đàm phán, xử lý tình huống và giải quyết xung đột trong kinh doanh thông qua việc giao tiếp hiệu quả bằng văn bản, thuyết trình, làm việc độc lập và làm việc nhóm.	4
PLO10	Áp dụng thành thạo công nghệ thông tin trong thiết kế, tổ chức và vận hành và kiểm soát dòng thông tin trong chuỗi hoạt động logistics và chuỗi cung ứng	4
PLO11	Tham gia tổ chức thực hiện điều phối các dịch vụ logistics trong lĩnh vực Logistics, vận tải đa phương thức và chuỗi cung ứng	4
PLO12	Nhận thức được nhu cầu, tự học, tự nghiên cứu qua sách vở, các tài liệu chuyên ngành, khai thác và sử dụng tốt các nguồn tài nguyên thông tin và có thể giao tiếp tốt.	4
<b>c</b>	<b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>	
PLO13	Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	5
PLO14	Hình thành ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, làm việc nhóm, làm việc độc lập và khả năng tự học	5
PLO15	Đưa các sáng kiến có giá trị, đúc kết kinh nghiệm để thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế, đưa ra được những đề xuất với luận cứ khoa học và thực tiễn	5

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa (không gồm GDTC và GDQP-AN): **120 tín chỉ**  
 Kiến thức giáo dục đại cương: 30 tín chỉ  
 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ
- Khối lượng kiến thức điều kiện:  
 Giáo dục thể chất: 04 tín chỉ.  
 Giáo dục QP-AN: 165 tiết (tương đương 08 tín chỉ)

#### 4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 607/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/11/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

Theo Chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 591/QĐ-ĐHGTVT ngày 02/08/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh..

Theo Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học và cao đẳng chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 228/QĐ-ĐHGTVT ngày 13/04/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

Theo Quy định về tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh tại Trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 828/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/05/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

Theo Quy định về chuẩn chương trình, tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất tại Trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 490/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/06/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

#### 6. Cách thức đánh giá

Theo Quy định về đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 607/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/11/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.

Theo quy định trong Đề cương chi tiết các học phần.

#### 7. Nội dung chương trình

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ (LT/TH/ Tự học)	Nội dung (tóm tắt)	Ghi chú
1	2	3	4	5
<b>1. Kiến thức khoa học cơ bản (27 TC)</b>				
<b>1.1. Toán và khoa học tự nhiên (10 TC)</b>				
001201	Đại số (Algebra)	2 (1/1/0)	Cung cấp các kiến thức cơ bản về: ma trận; định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector; không gian Euclide; chéo hóa ma trận.	Bắt buộc
001202	Giải tích 1 (Calculus 1)	3 (2/1/0)	Cung cấp các kiến thức cơ bản về giới hạn và sự liên tục của hàm một biến, phép tính vi phân hàm một biến (đạo hàm, vi phân, ứng dụng), phép tính tích phân hàm một biến (tích phân bất định, tích phân xác định, ứng dụng tích phân xác định, tích phân suy rộng), phép tính vi phân hàm nhiều biến (đạo hàm, vi phân hàm nhiều biến, cực trị hàm nhiều biến).	Bắt buộc
001212	Xác suất thống kê (Probability & Statistics)	3 (2/1/0)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý thuyết xác suất, biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và phân bố xác suất. Về thống kê toán học: lý thuyết mẫu,	Bắt buộc

			ước lượng tham số, kiểm định giả thiết, phân tích tương quan và hồi quy.	
001211	Toán kinh tế ( <i>Economics Mathematics</i> )	2 (1/1/0)	Giúp sinh viên nắm được phương pháp lập các kế hoạch sản xuất dựa trên mô hình bài toán qui hoạch tuyến tính tổng quát.	Bắt buộc
<b>1.2. Pháp luật và khoa học xã hội (13 TC)</b>				
005105	Triết học Mác-Lênin (Philosophy of marxism and Leninism)	3 (3/0/0)	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
005106	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Political economics of marxism and leninism)	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005105 Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005106 Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
005108	Lịch sử ĐCS VN (History of Vietnamese communist party)	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005107 Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bắt buộc
005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005108 Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.	Bắt buộc
005004	Pháp luật đại cương (Introduction to Law)	2 (2/0/0)	Nội dung: Nguồn gốc của Nhà nước và pháp luật; bản chất, các kiểu và hình thức Nhà nước; bản chất, các kiểu và hình thức pháp luật; văn bản quy phạm pháp luật XHCN; quan hệ pháp luật xã hội chủ nghĩa; pháp chế xã hội chủ nghĩa; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật. Cơ sở pháp lý về hợp đồng, khiếu nại, bảo hiểm liên quan đến hoạt động hàng hải.	Bắt buộc
<b>1.3. Tin học, kỹ năng ( 4 TC)</b>				
124012	Tin học cơ bản (Basic Informatics)	2 (1/1/0)	Học phần này bao gồm phần lý thuyết và thực hành, theo các mô đun cơ bản trong phụ lục của quy định chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ Thông tin cơ bản (Ban hành kèm theo Thông tư số 03 /2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)	Bắt buộc

022014	Kỹ năng mềm 1 (Skills 1)	1 (0.5/0.5/0)	Cung cấp các kỹ năng cơ bản: Có ý chí chiến thắng, có quan điểm lạc quan; có tinh thần đồng đội, hòa đồng với tập thể;	Bắt buộc
022015	Kỹ năng mềm 2 (Skills 2)	1 (0.5/0.5/0)	Cung cấp các kỹ năng cơ bản: giao tiếp hiệu quả; tự tin; mài dũa kỹ năng sáng tạo; chấp nhận và học hỏi từ những lời phê bình; thúc đẩy bản thân và dẫn dắt người khác; đa nhiệm vụ và xác định trước những việc cần làm; có cái nhìn tổng quan.	Bắt buộc
<b>2. Kiến thức chung của nhóm ngành và chuyên ngành (30 TC)</b>				
<b>2.1. Kiến thức chung của nhóm ngành (16 TC)</b>				
414022	Kinh tế vi mô ( <i>Microeconomics</i> )	3 (3/0/0)	Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Phân tích các yếu tố xác định giá và sản lượng trong thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường. Phân tích các nhược điểm vốn có của thị trường và vai trò của Chính phủ. Ngoài ra còn trang bị các công cụ nâng cao trong phân tích cân bằng tổng quát.	Bắt buộc
414023	Kinh tế vĩ mô ( <i>Macroeconomics</i> )	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 414022 Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô bao gồm: đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế, mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn, các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn. Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế như cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại. Giới thiệu các trường phái và những cách tiếp cận khác nhau nhằm giải thích sự vận hành của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn; các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản và vai trò quản lý hệ thống các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô đối với một nền kinh tế mở. Bên cạnh đó còn phân tích những cơ sở vi mô làm nền tảng cho các phân tích kinh tế vĩ mô.	Bắt buộc
411002	Luật kinh tế ( <i>Economics Law</i> )	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 005004; 414022 Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế, địa vị pháp lý của các tổ chức kinh doanh, quá trình hoạt động kinh doanh, giải thể, phá sản, nội dung hợp đồng kinh tế, giải quyết tranh chấp...	Bắt buộc

414005	Nguyên lý thống kê ( <i>Principles of Statistics</i> )	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 414022; 414023 Môn học cung cấp lý luận cơ bản và có tính hệ thống về thống kê học bao gồm lý luận và phương pháp luận điều tra, xử lý các số liệu thống kê để rút ra kết luận về bản chất và qui luật của hiện tượng. Giúp sinh viên nắm được các phương pháp thống kê thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên ngành.	Bắt buộc
413005	Nguyên lý kế toán ( <i>Principles of Accounting</i> )	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 414022 Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc kế toán cơ bản cũng như giới thiệu khái quát cách thức hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu. Bên cạnh đó, môn học cũng giới thiệu về hệ thống báo cáo tài chính, các hình thức sổ sách kế toán và cách thức tổ chức bộ máy kế toán trong một doanh nghiệp	Bắt buộc
416012	Quản trị Marketing ( <i>Marketing Management</i> )	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 419001 Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường, các phương pháp chung để nghiên cứu và dự báo thị trường, sử dụng các chính sách Marketing để phát triển và mở rộng thị trường (chính sách giá cả, phân phối, sản phẩm, chiêu thị).	Bắt buộc
412005	Lý thuyết dự báo kinh tế ( <i>Economics Forecasting Models</i> )	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 001211; 001212 Giúp sinh viên nắm vững một số phương pháp dự báo được sử dụng trong kinh tế, biết xử lý số liệu thống kê, biết lựa chọn xu thế phát triển của một hệ thống kinh tế và xây dựng được mô hình dự báo. Với những kiến thức này sẽ giúp sinh viên thực hiện tốt hơn trong việc lập kế hoạch và điều hành sản xuất.	Bắt buộc
<b>2.2. Kiến thức chung của ngành (14 TC)</b>				
418010	Khai thác vận tải ( <i>Transport Operation</i> )	3 (3/0/0)	Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về cách thiết lập lịch trình vận tải, quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải; điều độ nhân sự và phương tiện vận tải, tối ưu hóa tuyến đường vận tải, các công nghệ quản lý phương tiện vận tải, nắm được các loại giá cước vận tải, tính toán các chỉ tiêu kinh tế liên quan đến hoạt động vận tải	Bắt buộc
419001	Nhập môn Logistics & quản lý Chuỗi cung ứng ( <i>Introduction to Logistics &amp; Supply Chain Management</i> )	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 412019 Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị Log & SCM trong tổ chức bao gồm công tác hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát hoạt động.	Bắt buộc
412019	Hàng hóa ( <i>Goods</i> )	2 (2/0/0)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hàng hoá để phục vụ cho các môn học	Bắt buộc

			chuyên ngành. Sau khi học tập sinh viên nắm được: các đặc tính của hàng hoá, các yêu cầu và kỹ thuật chất xếp, vận chuyển, bảo quản, đóng gói bao bì của hàng hoá trong quá trình sản xuất và lưu thông.	
416002	Thương mại điện tử (E-commerce)	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 411002 Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về công nghệ Internet, tình hình phát triển Thương mại điện tử tại Việt Nam, các mô hình thương mại điện tử, hoạt động marketing và thanh toán trực tuyến. Học xong môn học, sinh viên có thể đánh giá, tổ chức và tiến hành các hoạt động kinh doanh qua mạng Internet.	Bắt buộc
411009	Quản trị chất lượng (Quality Management)	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 416037 Cung cấp cho sinh viên nhận biết được tầm quan trọng của công tác quản trị chất lượng trong các doanh nghiệp, bản chất và nội dung của công tác quản trị chất lượng, các kỹ thuật và kỹ năng được ứng dụng nhằm đảm bảo chất lượng cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp.	Bắt buộc
413008	Thanh toán quốc tế (International Payment)	2 (2/0/0)	Giới thiệu cho sinh viên nắm được các nội dung chính sau: - Tỷ giá hối đoái, các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ giá, các biện pháp điều chỉnh tỷ giá và các nghiệp vụ trên thị trường ngoại hối; - Các phương tiện thanh toán quốc tế: Hối phiếu, Séc, Kỳ phiếu, thẻ thanh toán; - Các phương thức thanh toán quốc tế: T/T, D/P, D/A, L/C...	Bắt buộc
<b>3. Kiến thức chuyên ngành (54 TC)</b>				
<b>3.1. Kiến thức chuyên ngành chuyên sâu (bắt buộc): 46 TC</b>				
414040	Phân tích hoạt động kinh doanh (Business Operation Analysis)	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 413005; 414005; 414021 Trang bị kiến thức và phương pháp luận giúp sinh viên có thể phân tích được các mặt hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá được hiệu quả sử dụng các yếu tố sản xuất, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.	Bắt buộc
414021	Kinh tế vận tải và Logistics (Transport Economics and Logistics)	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 413005 Nghiên cứu đặc trưng chung của sản xuất vận tải & logistics; nghiên cứu các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật cơ bản trong hoạt động vận chuyển, khai thác và logistics, giúp cho sinh viên có kiến thức căn bản, nền tảng để có thể tiếp cận những môn chuyên sâu một cách thuận lợi.	Bắt buộc
416013	Hệ thống thông tin logistics (Logistics Information)	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 416003, 416005 Môn học bao gồm các nội dung như sau: chức năng và cấu trúc của hệ thống thông tin	Bắt buộc



	<i>System) (Logistics &amp; Supply Chain Information System)</i>		hỗ trợ chuỗi cung ứng; cách thức thu thập và trao đổi dữ liệu, lưu trữ, phục hồi, xử lý và báo cáo dữ liệu; Lựa chọn và ứng dụng HTTT hỗ trợ chuỗi cung ứng	
416003	Quản trị logistics ( <i>Logistics Management</i> )	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 412019 Sinh viên sẽ nắm vững kiến thức chuyên sâu về: - Những hoạt động chủ yếu của logistics; - Chức năng theo cấp độ của các nhà cung cấp dịch vụ logistics; - Mối quan hệ giữa các hoạt động logistics và các loại chi phí trong logistic; - Thiết kế và xây dựng mạng lưới logistics.	Bắt buộc
419003	Quản trị hợp đồng ( <i>Contract Management</i> )	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 416030 Môn học cung cấp kiến thức chung về các nguyên tắc, vai trò và các khía cạnh pháp lý của hợp đồng trong chuỗi cung ứng; vai trò của bộ phận thu mua trong quản lý hợp đồng. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích và giảm thiểu rủi ro trong hợp đồng, xây dựng kế hoạch quản lý hợp đồng.	Bắt buộc
416005	Quản trị Chuỗi cung ứng ( <i>Supply chain Management</i> )	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 416003; Đây là môn học tích hợp nhiều kiến thức từ nhiều môn học như Marketing, sản xuất, mua hàng, phân phối, hệ thống thông tin trong quản lý... Nội dung chủ yếu bao gồm: - Hoạt động quản trị chuỗi cung ứng (SC), phân loại thành viên của SC, cấu trúc của SC; - Hoạt động điều hành chuỗi cung ứng: hoạch định và tìm nguồn cung ứng, sản xuất & phân phối, điều phối chuỗi cung ứng, đo lường hiệu quả, tối ưu hóa chuỗi cung ứng; - Nghiên cứu thiết kế, tổ chức & phát triển chuỗi cung ứng.	Bắt buộc
416006	TKMH Quản trị Chuỗi cung ứng ( <i>Supply chain Management Assignment</i> )	1 (0/0/1)	Học phần song hành: 416005 Trên cơ sở thông tin và số liệu ban đầu, sinh viên áp dụng lý thuyết đã học, số liệu thực tiễn thu thập thêm để thiết kế mô hình chuỗi cung ứng và phương thức quản lý chuỗi SC cho doanh nghiệp cụ thể	Bắt buộc
419004	Quản trị phân phối ( <i>Distribution Management</i> )	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 416012 Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về hệ thống phân phối trong chuỗi cung ứng, các kênh phân phối và cách thức tổ chức, thiết kế kênh phân phối.	Bắt buộc
416007	Quản trị vận tải đa phương thức ( <i>Multi-Modal</i>	3 (3/0/0)	Học phần học trước: Sinh viên nắm được cơ sở lý luận, tổ chức thực hiện & khai thác VTĐPT; cấu trúc thị	Bắt buộc

	Transport Management)		trường & quy định pháp lý liên quan đến tổ chức & kinh doanh VTĐPT; mối tương quan giữa logistics – chuỗi cung ứng – vùng hậu phương – Hub & Spoke – trung tâm phân phối (DC) - mạng lưới VTĐPT; nguyên tắc quản trị vận tải ĐPT, KPIs và scorecarding, Benchmarking, EDI.	
416008	TKMH Quản trị vận tải đa phương thức (Multimodal Transport Management Assignment)	1(0/0/1)	Học phần song hành: 419005 Sinh viên nắm được cách thức thực hiện tổ chức, thực hiện và quản lý vận tải ĐPT cho 1 lô hàng nhằm đáp ứng các yêu cầu cụ thể của khách hàng.	Bắt buộc
416038	Quản trị kho hàng và tồn kho (Inventory & Warehousing Management)	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 001212; 416003, 416037 Cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về quản trị kho hàng & tồn kho về: phân loại kho hàng; phân tích & lựa chọn vị trí kho hàng, lựa chọn mô hình phù hợp; thiết kế & sắp xếp trong kho hàng, xác định nhu cầu tồn kho, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, tồn kho theo nguyên lý <b>JIT</b> , cung cấp các kiến thức nền tảng về quản trị tồn kho.	Bắt buộc
416021	Quản trị dự án logistics và chuỗi cung ứng (Managing Logistics & SCM projects)	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 416003, 416005 Môn học này trình bày chi tiết về những vấn đề chung về quản lý dự án; các mô hình tổ chức quản lý dự án; phương pháp quản lý thời gian và tiến độ dự án; phân phối các nguồn lực dự án.	Bắt buộc
413015	Quản trị tài chính doanh nghiệp (Financial Management)	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 414021 Giới thiệu cho sinh viên nắm được những nội dung sau: Bản chất, chức năng, môi trường kinh doanh tài chính doanh nghiệp và các loại hình tổ chức tài chính doanh nghiệp; Vốn sản xuất kinh doanh: vốn cố định, vốn lưu động và quản lý vốn lưu động của doanh nghiệp, bảo toàn và phát triển vốn SXKD; Tài trợ dài hạn của doanh nghiệp: nguồn tài trợ dài hạn, tín dụng thuê mua và chi phí sử dụng vốn trong các doanh nghiệp; Doanh thu lợi nhuận và phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp; Đặc điểm quản lý trong ngành tài chính.	Bắt buộc
414024	Quản trị nhân sự (Human Resources Management)	3 (3/0/0)	Học phần học trước: 414021; 416003 Nghiên cứu công tác quản lý, tổ chức và sử dụng lao động trong doanh nghiệp. Đặc biệt tập trung vào lĩnh vực của ngành Logistics và vận tải.	Bắt buộc
419008	Quản lý chi phí chuỗi cung ứng	2 (2/0/0)	Học phần này cung cấp kiến thức chi tiết về các loại chi phí, cách thức quản lý và kiểm	Bắt buộc

	<i>(Supply chain cost management)</i>		soát chi phí trong hoạt động quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm chi phí đầu tư, chi phí vận chuyển, chi phí mua hàng, chi phí sản xuất, chi phí tồn kho.	
414014	Quản trị rủi ro <i>(Risk Management)</i>	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 416003, 416005 Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về rủi ro và quản trị rủi ro như sau: - Khái niệm và các cách phân loại rủi ro, quản trị rủi ro và quản trị rủi ro chiến lược. - Việc nhận dạng rủi ro, phân tích và đo lường rủi ro cũng như việc kiểm soát phòng ngừa rủi ro. - Những bài học quý báu giúp các công ty trên thế giới lật ngược tình thế. Quản trị rủi ro trong các doanh nghiệp vận tải, logistics và chuỗi cung ứng.	Bắt buộc
416037	Quản trị vận hành và sản xuất <i>(Production &amp; Operations Management)</i>	3 (3/0/0)	Học phần học trước: Cung cấp kiến thức tổng quan về lĩnh vực quản trị sản xuất như sau: - Các quá trình sản xuất chủ yếu; - Hoạch định nhu cầu vật tư cho quá trình sản xuất; - Bố trí mặt bằng trong khu vực sản xuất; - Thực hiện phân chia công việc trong quy trình sản xuất.	Bắt buộc
416030	Quản trị mua hàng <i>(Procurement Management)</i>	2 (2/0/0)	Học phần trước: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng đàm phán trong kinh doanh, quy trình mua hàng, lựa chọn các nhà cung cấp chiến lược. Sinh viên cũng có một cái nhìn toàn diện hơn về quá trình quản trị thu mua ở khâu đầu vào sao cho hiệu quả ở cả trong ngắn hạn và dài hạn.	Bắt buộc
419009	Thực tập chuyên môn <i>(Internship)</i>	2 (0/2/0)	Học phần học trước: 413015; 416003; 416005 Thực tập tại các doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics và vận tải đa phương thức, các cảng và các ICD ...nhằm tìm hiểu khái quát về công ty và các hoạt động logistics trong doanh nghiệp liên quan trong ngành.	Bắt buộc
<b>3.2.Kiến thức chuyên ngành mở rộng (tự chọn – chọn 4 học phần bất kỳ): 8 TC</b>				
412015	Bảo hiểm vận tải <i>(Transportation Insurance)</i>	2 (2/0/0)	Học phần học trước: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản liên quan đến nghiệp vụ: bảo hiểm hàng hoá vận chuyển đường biển, đường hàng không và vận tải nội địa; bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm người giao nhận.	Tự chọn

416035	Giao nhận hàng hoá và khai báo hải quan ( <i>Delivery of Goods and Custom Clearance</i> )	2 (2/0/0)	Học phần học trước: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng liên quan đến công tác giao nhận vận tải quốc tế và khai báo hải quan, đặc biệt là hàng hoá ngoại thương vận chuyên bằng đường biển và đường hàng không	Tự chọn
416031	Dịch vụ khách hàng ( <i>Customer Services</i> )	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 416012 Sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức về nghiên cứu hành vi và thái độ của khách hàng, quản trị quan hệ khách hàng, đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ. Việc am hiểu về thói quen, sở thích, thị hiếu của khách hàng sẽ giúp ích cho sinh viên trong việc giao tiếp và đàm phán trong công việc liên quan đến dịch vụ logistics. Sinh viên học được sự cần thiết của tính chuyên nghiệp trong hành vi và đưa ra thái độ ứng xử phù hợp với hoàn cảnh nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng.	Tự chọn
413030	Nghiệp vụ Ngoại thương ( <i>Foreign Trade Technique</i> )	2 (2/0/0)	Sinh viên có kiến thức và kỹ năng soạn thảo hợp đồng ngoại thương, kỹ năng đàm phán trong buôn bán ngoại thương. Sinh viên cũng được cung cấp kiến thức về Incoterms và các khung pháp lý liên quan đến giao dịch ngoại thương	Tự chọn
416020	Quản trị chiến lược( <i>Strategic management</i> )	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 419001 Môn học này giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản sau: Có được khả năng phân tích các đe dọa, nguy cơ cùng cơ hội do môi trường đem lại cho doanh nghiệp khi kinh doanh. Đề xuất được các chiến lược cho doanh nghiệp nhằm thực hiện mục tiêu tăng khả năng cạnh tranh cho doanh nghiệp để tồn tại và phát triển trong điều kiện của nền kinh tế thị trường & hội nhập	Tự chọn
416001	Kinh doanh quốc tế ( <i>International Business</i> )	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 414023 Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về toàn cầu hóa, khái quát về hoạt động kinh doanh quốc tế và công ty đa quốc gia, những khác biệt trong môi trường kinh doanh quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế.	Tự chọn
413017	Nghiệp vụ thuế ( <i>Taxation Technique</i> )	2 (2/0/0)	Học phần học trước: 413005 Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về những loại thuế đặc trưng, thường gặp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; giúp sinh viên nắm bắt được phương pháp tính, kê khai và nộp một số loại thuế cơ bản. Môn học còn cung cấp kiến thức hỗ trợ cho một	Tự chọn

			số môn học khác như quản trị tài chính doanh nghiệp, kế toán	
413009	Thị trường chứng khoán ( <i>Stocks Market</i> )	2 (2/0/0)	Tổng quan về thị trường. Giới thiệu về sp trên thị trường CK: cổ phiếu, trái phiếu, CK phái sinh. Giao dịch trên thị trường: các loại lệnh, sàn giao dịch, phát hành và niêm yết CK	Tự chọn
<b>4. Khóa luận tốt nghiệp (9 TC)</b>				
419011	Thực tập tốt nghiệp ( <i>Final Internship</i> )	3 (0/0/3)	Học phần học trước: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình Thực tập tại các doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics và vận tải đa phương thức, các ICD ...nhằm tìm hiểu sâu về công tác tổ chức quản lý, về hoạt động sản xuất kinh doanh và các công tác khai thác khác.	Bắt buộc
419012	Luận văn tốt nghiệp ( <i>Thesis</i> )	6 (0/0/6)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình Sinh viên đủ điều kiện được giao đề tài tốt nghiệp với nội dung và mục tiêu cụ thể nhằm giải quyết khá trọn vẹn một vấn đề của khoa học kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành được đào tạo. Sử dụng các kiến thức được trang bị để giải quyết các nội dung của đề tài tốt nghiệp theo mục tiêu đề ra. Sản phẩm của đồ án tốt nghiệp được thể hiện qua thuyết minh đồ án, chương trình, phần mềm...	Bắt buộc
<b><i>SV không làm luận văn tốt nghiệp học thay thế các học phần sau</i></b> <i>Sinh viên không đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp sẽ học bổ sung 02 học phần tự chọn (4 tín chỉ) thuộc 1 trong 2 nhóm học phần thuộc Kiến thức chuyên sâu và làm chuyên đề tốt nghiệp.</i>				
419013	Chuyên đề tốt nghiệp ( <i>Thematic Project</i> )	2 (0/0/2)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình Sinh viên áp dụng kiến thức tổng hợp và chuyên sâu để thực hiện chuyên đề tốt nghiệp với yêu cầu giải quyết 1 dự án cụ thể theo các thông số đầu vào (có thể từ thực tế của các doanh nghiệp trong ngành)	Bắt buộc
<b>Nhóm 1: Chuỗi cung ứng thương mại, dịch vụ</b> <b>(Chọn 02 trong số 03 học phần) = 4 TC</b>				
419014	Chuỗi cung ứng lạnh ( <i>Cold Supply Chain</i> )	2 (2/0/0)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các cơ sở hạ tầng, đặc điểm hàng hóa, phương pháp bảo quản, lưu trữ, cách thức lên kế hoạch, triển khai hoạt động và quản lý các hoạt động liên quan đến chuỗi cung ứng lạnh	Tự chọn

416029	Dịch vụ giá trị gia tăng trong logistics ( <i>Value added service in Logistics</i> )	2 (2/0/0)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình Sinh viên được cung cấp kiến thức về các dịch vụ giá trị gia tăng trong chuỗi logistics ví dụ như: dán nhãn, đóng gói, phân loại hàng, vận tải nội địa, dịch vụ door to door ... cho khách hàng. Sinh viên có thể áp dụng vào thực tế để phân tích lựa chọn và cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng.	Tự chọn
419015	Quản trị chuỗi cung ứng trong ngành bán lẻ ( <i>Retail Management</i> )	2 (2/0/0)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các cơ sở hạ tầng, đặc điểm hàng hóa, phương pháp bảo quản, lưu trữ, cách thức lên kế hoạch, triển khai hoạt động và quản lý các hoạt động liên quan đến chuỗi cung ứng trong lĩnh vực bán lẻ.	Tự chọn
<b>Nhóm 2: Logistics chuyên sâu</b> <b>Chọn 02 trong số 03 học phần) = 4 TC</b>				
416026	Logistics vận tải biển ( <i>Shipping logistics</i> )	2 (2/0/0)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình Sinh viên có được kiến thức và kỹ năng trong công tác khai thác tàu, ký kết các hợp đồng vận tải biển. Đọc và hiểu nội dung của các hợp đồng vận tải đối với các loại hàng hoá khác nhau. Sinh viên biết cách thực hiện các dịch vụ logistics vận tải biển, và biết cách phân tích, thiết kế sản phẩm logistics vận tải biển nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng cũng như có nền tảng để cập nhật xu thế và vận dụng vào thực tiễn.	Tự chọn
416027	Logistics cảng biển ( <i>Port Logistics</i> )	2 (2/0/0)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình Cung cấp sinh viên kiến thức về hoạt động của cảng, sự kết nối giữa các bộ phận chức năng trong cảng nhằm cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng cho chuỗi logistics. Môn học cung cấp cho sinh viên tổng quan về hoạt động logistics trong cảng. Sau khóa học, sinh viên có khả năng áp dụng và thiết kế các sản phẩm dịch vụ logistics cảng biển hiện nay cũng như có nền tảng để cập nhật xu thế và vận dụng vào thực tiễn.	Tự chọn
416028	Logistics hàng không ( <i>Air Logistics</i> )	2 (2/0/0)	Học phần tiên quyết: tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn tối thiểu cần phải tích lũy trong chương trình	Tự chọn

			Học phần này giúp sinh viên nắm được kiến thức về vận tải hàng hóa bằng đường hàng không, những đặc điểm nổi bật và yêu cầu đặc thù trong phương thức vận tải này so với các phương thức khác. Sinh viên biết cách thực hiện các dịch vụ logistics hàng không, và biết cách phân tích, thiết kế sản phẩm logistics vận tải hàng không nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng cũng như có nền tảng để cập nhật xu thế và vận dụng vào thực tiễn.	
<b>5.Kiến thức điều kiện (không tính vào chương trình để tính điểm tích lũy)</b>				
<b>5.1.Giáo dục Quốc phòng - An ninh (bắt buộc) 165 tiết</b>				
007201	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	45 tiết	Theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.	Bắt buộc
007202	Công tác quốc phòng và an ninh	30 tiết		Bắt buộc
007203	Quân sự chung	30 tiết		Bắt buộc
007204	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	60 tiết		Bắt buộc
<b>5.2.Giáo dục thể chất bắt buộc</b>				
004101	Lý thuyết giáo dục thể chất	1 (0/1/0)	Theo Quy định về chuẩn chương trình, tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất tại Trường đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 490/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/06/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh.	Bắt buộc
004105	Điền kinh	1 (0/1/0)		Bắt buộc
004103	Bơi 1 (50 m)	1 (0/1/0)		Tự chọn
004104	Bơi 2 (200 m)	1 (0/1/0)		Tự chọn
004106	Bóng chuyền	1 (0/1/0)		Tự chọn
004107	Bóng đá	1 (0/1/0)		Tự chọn
004108	Bóng rổ	1 (0/1/0)		Tự chọn
004109	Bóng bàn	1 (0/1/0)		Tự chọn
004110	Cờ vua	1 (0/1/0)		Tự chọn

## 8. Hướng dẫn thực hiện

### 8.1. Kế hoạch đào tạo (dự kiến):

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	HP bắt buộc	HP tự chọn	HP học trước, song hành	HP tiên quyết	Ghi chú
<b>Học kỳ 1</b>								<b>15</b>
1	001201	Đại số	2	x				
2	001202	Giải tích 1	3	x				
3	414022	Kinh tế vi mô	3	x				
4	412019	Hàng hóa	2	x				
5	022014	Kỹ năng mềm 1	1	x				
6	124012	Tin học cơ bản	2	x				
7	005004	Pháp luật đại cương	2	x				
<b>Học kỳ 2</b>								<b>16</b>
8	005105	Triết học Mác – Lênin	3	x				
9	414023	Kinh tế vĩ mô	3	x		414022		
10	413005	Nguyên lý kế toán	2	x		414022		
11	411002	Luật kinh tế	2	x		005004 414022		
12	001212	Xác suất thống kê	3	x				
13	419001	Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	x		412019		
<b>Học kỳ 3</b>								<b>16</b>
14	005106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	x		005105		
15	414005	Nguyên lý thống kê	2	x		414023 414022		
16	413008	Thanh toán quốc tế	2	x				
17	418034	Khai thác vận tải	3	x				
18	001211	Toán kinh tế	2	x				
19	416002	Thương mại điện tử	2	x		411002		
20	414021	Kinh tế vận tải và Logistics	3	x		413005		
<b>Học kỳ 4</b>								<b>16</b>
21	005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		005106		
22	412005	Lý thuyết dự báo kinh tế	2	x		001211 001212		
23	416012	Quản trị Marketing	2	x		419001		
24	416003	Quản trị Logistics	3	x		412019		
25	416007	Quản trị vận tải đa phương thức	3	x				



26	416008	TKMH Quản trị vận tải đa phương thức	1	x		416007	Song hành
27	416037	Quản trị vận hành và sản xuất	3	x			
<b>Học kỳ 5</b>							<b>17</b>
28	005108	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	x		005107	
29	414024	Quản trị nhân sự	3	x		414021 416003	
30	416005	Quản trị chuỗi cung ứng	3	x		416003	
31	416006	TKMH Quản trị chuỗi cung ứng	1	x		416005	Song hành
32	416030	Quản trị mua hàng	2	x			
33	411009	Quản trị chất lượng	2	x		416037	
<i>Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần sau</i>							
34	416001	Kinh doanh quốc tế	2		x	414023	
35	413017	Nghiệp vụ thuế	2		x	413005	
36	413009	Thị trường chứng khoán	2		x		
37	413030	Nghiệp vụ ngoại thương	2		x		
<b>Học kỳ 6</b>							<b>16</b>
38	005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x		005108	
39	413015	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	x		414021	
40	419008	Quản lý chi phí chuỗi cung ứng	2	x			
41	416038	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho	3	x		001212 416003 416037	
42	419009	Thực tập chuyên môn	2	x		413015 416003 416005	
<i>Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần sau</i>							
43	412015	Bảo hiểm vận tải	2		x		
44	416035	Giao nhận hàng hóa và khai báo hải quan	2		x		
45	416020	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	2		x	419001	
46	416031	Dịch vụ khách hàng	2		x	416012	
<b>Học kỳ 7</b>							<b>18</b>
47	416013	Hệ thống thông tin logistics	2	x		416003 416005	
48	419004	Quản trị phân phối	3	x		416012	
50	414014	Quản trị rủi ro	2	x		416003 416005	
51	414040	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	x		413005; 414005;	

						414021		
52	022015	Kỹ năng mềm 2	1	x				
53	419003	Quản trị hợp đồng	2	x		416030		
54	416021	Quản trị dự án Logistics và chuỗi cung ứng	2	x		416003 416005		
55	419011	Thực tập tốt nghiệp	3	x		Tất cả		Hè
<b>Học kỳ 8</b>								<b>6</b>
56	419012	Luận văn tốt nghiệp	6	x			Tất cả	
<i>Sinh viên không làm LVTN học thay thế 2 tín chỉ bắt buộc chuyên đề tốt nghiệp và 4 tín chỉ tự chọn theo nhóm như sau:</i>							Tất cả	
57	419013	Chuyên đề tốt nghiệp	2	x				
<i>Tự chọn 4 tín chỉ trong số các học phần theo nhóm:</i>								
<b>Nhóm 1: Logistic chuyên sâu</b>								4
58	416026	Logistics vận tải biển	2		x			
59	416027	Logistics cảng biển	2		x			
60	416028	Logistics hàng không	2		x			
<b>Nhóm 2: Chuỗi cung ứng chuyên sâu</b>								4
61	419014	Quản lý chuỗi cung ứng lạnh	2		x			
62	416029	Dịch vụ giá trị gia tăng trong Logistics	2		x			
63	419015	Quản lý chuỗi cung ứng trong ngành bán lẻ	2		x			
<b>Khối lượng kiến thức điều kiện</b>								
<b>I</b>	<b>Giáo dục quốc phòng - An ninh (Sinh viên học theo kế hoạch của nhà trường)</b>							<b>165 tiết</b>
1	007201	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	40 tiết	x				
2	007202	Công tác quốc phòng và an ninh	30 tiết	x				
3	007203	Quân sự chung	30 tiết	x				
4	007204	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	60 tiết	x				
<b>II</b>	<b>Giáo dục thể chất (Sinh viên chủ động đăng ký học theo quy định về học GDTC)</b>							<b>4TC</b>
1	004101	Lý thuyết GDTC	1	x				
2	004105	Điền kinh	1	x				
<i>Sinh viên chọn 2 trong số các học phần sau</i>								
3	004103	Bơi 1 (50m)	1		x			
4	004104	Bơi 2 (200m)	1		x			
5	004106	Bóng chuyền	1		x			
6	004107	Bóng đá	1		x			

7	004108	Bóng rổ	1		x			
8	004109	Bóng bàn	1		x			
9	004110	Cờ vua	1		x			

- Sinh viên nên đăng ký học theo đúng học kỳ
- Trường hợp học vượt, sinh viên chỉ nên đăng ký những học phần mới sau khi đã hoàn thành xong các học phần được bố trí trước nó.

**PHỤ LỤC 1: MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA**

	Mã học phần	Tên học phần	Chuẩn đầu ra chương trình														Số CDR mà HP đảm nhận		
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14		PLO 15	
I	001201	Đại số		3												3		2	
	001202	Giải tích 1		3												3		2	
	414022	Kinh tế vi mô		3	3						2					3		4	
	412019	Hàng hóa			5	4				5						5	5	5	
	022014	Kỹ năng mềm 1																	0
	124012	Tin học cơ bản																	0
	005004	Pháp luật đại cương									3								1
II	005105	Triết học Mác - Lênin	4												3	3		3	
	414023	Kinh tế vĩ mô			4											3		2	
	413005	Nguyên lý kế toán			4	4				4				3	4	3		6	
	411002	Luật kinh tế	2		2		3			3	3					4	4	7	
	001212	Xác suất và thống kê		3										3		3		3	
	006413	Nhập môn Logistics và quản lý chuỗi cung ứng			4	4							1					3	
III	005106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3								3					4		3	
	414005	Nguyên lý thống kê		3	3						2					3		4	
	413008	Thanh toán quốc tế					4			4						3		3	
	418010	Khai thác vận tải			4	5	2				4		5		5	3		7	
	001211	Toán kinh tế	3	3								3				3		4	

	416002	Thương mại điện tử			3		4				4				3		<b>4</b>	
	414021	Kinh tế vận tải và Logistics			4	5				3							<b>3</b>	
IV	005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4								3			3	3		<b>4</b>	
	412005	Lý thuyết dự báo kinh tế		2	3												<b>2</b>	
	416012	Quản trị Marketing			5				2	3		1			4		<b>5</b>	
	416003	Quản trị Logistics			4							3					<b>2</b>	
	416007	Quản trị VTĐPT				4					4	4					<b>3</b>	
	416008	TKMH Quản trị VTĐPT				4						4					<b>2</b>	
	416037	Quản trị vận hành và sản xuất			2	4						3					<b>3</b>	
	005108	Lịch sử Đảng cộng sản VN	4								3			3	3		<b>4</b>	
V	414024	Quản trị nhân sự			4		5						4	4			<b>4</b>	
	416005	Quản trị chuỗi cung ứng			4	4		4	4			4			1		<b>6</b>	
	416006	TKMH Quản trị chuỗi cung ứng			3			3	3					5	2	5	<b>6</b>	
	416030	Quản trị mua hàng							4			4					<b>2</b>	
	411009	Quản trị chất lượng		4	3	4				4				4			<b>5</b>	
	Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần sau																	
	416001	Kinh doanh quốc tế			4	4					2							<b>3</b>
	413017	Nghiệp vụ thuế			4	4	4			4					3			<b>5</b>
	413009	Thị trường chứng khoán			3													<b>1</b>
	413030	Nghiệp vụ ngoại thương		3	3	4	4			4	4	4						<b>7</b>
VI	005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4								3			3	3		<b>4</b>	

	413015	Quản trị tài chính doanh nghiệp		5	5			4									<b>3</b>
	419008	Quản lý chi phí chuỗi cung ứng			3	3		4	4			3	3				<b>6</b>
	416038	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho		3	2	4											<b>3</b>
	419009	Thực tập chuyên môn			4										5		<b>2</b>
Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần sau																	
	412015	Bảo hiểm vận tải			5		3				5				5		<b>4</b>
	416035	Giao nhận hàng hóa và khai báo hải quan				4	2			4	3	4			3		<b>6</b>
	416020	Quản trị chiến lược			3	3		4	4			3	3				<b>6</b>
	416031	Dịch vụ khách hàng				4				3				3			<b>3</b>
VII	416013	Hệ thống thông tin Logistics			2	3					4				5		<b>4</b>
	419004	Quản trị phân phối			4							4			2		<b>3</b>
	414014	Quản trị rủi ro			4	4	5			4				5	5	5	<b>7</b>
	414040	Phân tích hoạt động kinh doanh			5	4		4									<b>3</b>
	022015	Kỹ năng mềm 2															
	419003	Quản trị hợp đồng			3		4			3	3						<b>4</b>
	416021	Quản trị dự án Logistics và chuỗi cung ứng			4	2			3	2							<b>4</b>
	419011	Thực tập tốt nghiệp		4	4	4				4					4	5	<b>6</b>
VIII	419012	Luận văn tốt nghiệp			4									5	5		<b>3</b>
	Sinh viên không làm LVTN học thay thế 2 tín chỉ bắt buộc chuyên đề tốt nghiệp và 4 tín chỉ tự chọn theo nhóm như sau																

416024	Chuyên đề tốt nghiệp			4										5	5	3
Tự chọn 4 tín chỉ trong số các học phần theo nhóm:																
Nhóm 1: Logistics chuyên sâu																
416026	Logistics vận tải biển				4					4					3	3
416027	Logistics cảng biển									4		4				2
416028	Logistics hàng không		3	4	4	4						4			3	6
Nhóm 2: Chuỗi cung ứng chuyên sâu																
419014	Quản lý chuỗi cung ứng lạnh			3	3			4				3				4
416029	Dịch vụ giá trị gia tăng trong Logistics			4	4			4				4			1	5
419015	Quản lý chuỗi cung ứng trong ngành bán lẻ			3	3		3	4				3				5
<b>Giá trị lớn nhất (Max) = TĐNL ở từng PLO</b>		<b>4</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>

**Q. HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**PGS.TS. NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG**

**TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG**

(đã ký)

**PGS.TS. TRẦN QUANG PHÚ**